

THỊ THỰC CƯ TRÚ CHO THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI MANG QUỐC TỊCH TÂY BAN NHA

Thị thực cho các thành viên gia đình của công dân Tây Ban Nha muốn đến Tây Ban Nha vì mục đích cư trú, tức là lưu trú trong thời gian hơn 90 ngày. Các thị thực này được xử lý theo cơ sở ưu đãi và miễn phí.

I. THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH CÓ THỂ NỘP ĐƠN XIN VISA NÀY:

1. Vợ chồng trên mười tám tuổi, nếu chưa có thỏa thuận hoặc tuyên bố hôn nhân vô hiệu hoặc ly hôn và không được thực hiện bằng cách gian lận pháp luật. Trong mọi trường hợp, không cho phép hơn một người vợ hoặc chồng được tiếp cận giấy phép cư trú này, bất kể luật cá nhân của người nước ngoài có cho phép loại hôn nhân này hay không. Đối với thường trú nhân Tây Ban Nha đã kết hôn lần thứ hai hoặc các lần tiếp theo, chỉ người vợ hoặc chồng mới và các thành viên gia đình của họ được liệt kê trong tờ thông tin này mới có thể được cấp Giấy phép cư trú này nếu họ chứng minh được rằng việc giải thể cuộc hôn nhân trước của họ đã diễn ra theo một thủ tục xác lập tình hình của người vợ/chồng trước và các thành viên gia đình của họ liên quan đến nơi cư trú chung, trợ cấp (nếu có) cho người vợ/chồng trước và cho bất kỳ con cái vị thành niên hoặc trưởng thành nào phụ thuộc.
2. Người nước ngoài trên mười tám tuổi duy trì mối quan hệ tình cảm tương tự như mối quan hệ hôn nhân với một người có quốc tịch Tây Ban Nha và được đăng ký trong sổ đăng ký công khai được thành lập cho mục đích này tại một quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu hoặc tại một quốc gia tham gia Hiệp định về Khu vực kinh tế châu Âu hoặc tại Thụy Sĩ, với điều kiện là mối quan hệ này không được hình thành bằng cách gian lận pháp luật và việc đăng ký đó chưa bị hủy bỏ, việc này phải được công nhận đầy đủ.
3. Người nước ngoài chưa kết hôn, trên mười tám tuổi, có mối quan hệ ổn định với một người có quốc tịch Tây Ban Nha. Trong mọi trường hợp, một quan hệ ổn định là quan hệ thể hiện đầy đủ mối quan hệ chung sống tương tự như hôn nhân, trong hoặc ngoài Tây Ban Nha, trong ít nhất mười hai tháng liên tiếp. Không cần chứng minh thời gian chung sống trước đó nếu cặp đôi có con chung, miễn là mối quan hệ được duy trì.
4. Con cái của người mang quốc tịch Tây Ban Nha, hoặc con cái của vợ/chồng, đối tác đã đăng ký hoặc đối tác ổn định của người mang quốc tịch Tây Ban Nha, với điều kiện là người sau cũng cư trú hoặc sẽ cư trú tại Tây Ban Nha, dưới hai mươi sáu tuổi hoặc trên độ tuổi đó, đang được người mang quốc tịch Tây Ban Nha chăm sóc hoặc bị khuyết tật cần được hỗ trợ để thực hiện năng lực pháp lý của mình. Trong tất cả các trường hợp nêu trên, với điều kiện họ đang sống hoặc có ý định sống với họ và chưa kết hôn hoặc chưa thành lập gia đình riêng.
5. Những người thừa kế trực hệ bậc một theo dòng trực hệ và những người thừa kế của vợ/chồng, hoặc bạn đời đã đăng ký hoặc bạn đời ổn định của họ, với điều kiện là chưa có thỏa thuận hoặc tuyên bố vô hiệu của mối quan hệ hôn nhân, hoặc ly hôn, hoặc việc đăng ký của cặp đôi đã bị hủy bỏ trong các trường hợp sau:
 - a. khi họ chứng minh được rằng họ đang sống tự lập và không có sự hỗ trợ của gia đình tại nơi cư trú
 - b. khi có lý do nhân đạo.
6. Cha, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ vị thành niên có quốc tịch Tây Ban Nha, với điều kiện là người nộp đơn phải chịu trách nhiệm đối với trẻ vị thành niên và sống cùng trẻ hoặc đã

hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với trẻ. Mỗi quan hệ này phải được thiết lập theo luật pháp Tây Ban Nha.

7. Một người thân duy nhất, tới cấp độ thân thích thứ 2, sang Tây Ban Nha với mục đích chăm sóc cho một người có quốc tịch Tây Ban Nha đã được công nhận là có một trong các mức độ phụ thuộc được quy định tại Điều 26 của Luật 39/2006, ngày 14 tháng 12, về việc thúc đẩy quyền tự chủ cá nhân và chăm sóc cho những người trong tình trạng phụ thuộc.
8. Con trai và con gái có cha hoặc mẹ là người Tây Ban Nha hoặc từng là người Tây Ban Nha.
9. Các thành viên khác trong gia đình của người mang quốc tịch Tây Ban Nha không được đề cập trong các mục trước và có thể chứng minh tại thời điểm nộp đơn rằng họ đang được người mang quốc tịch Tây Ban Nha chăm sóc.

II. DANH MỤC CÁC GIẤY TỜ CẦN PHẢI NỘP:

1. **Đơn xin thị thực** quốc gia, đính kèm ảnh hộ chiếu
2. **Hộ chiếu** có giá trị ít nhất một năm. Hộ chiếu phải có ít nhất 2 trang trống và được cấp trong vòng 10 năm trở lại đây. Phải cung cấp bản sao A4 của tất cả các trang hộ chiếu có thông tin (thị thực, tem, v.v.).
3. **Trường hợp đương đơn không phải công dân Việt Nam:** các giấy tờ chứng minh nơi cư trú của mình tại Việt Nam (thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú)
4. **Bản sao Chứng minh thư hoặc hộ chiếu** của công dân Tây Ban Nha.
5. Tuyên bố trách nhiệm của người mang quốc tịch Tây Ban Nha về việc người này không chung sống tại Tây Ban Nha với bất kỳ người vợ/chồng hoặc bạn đời nào khác.
6. Nếu công dân Tây Ban Nha đang ở Tây Ban Nha và đã nộp đơn xin giấy phép cư trú cho thành viên gia đình: bản gốc và bản sao **giấy phép cư trú** ban đầu của thành viên gia đình là người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền cấp.
7. **7. Nếu cả công dân Tây Ban Nha và thành viên gia đình của họ đều ở nước ngoài:** mẫu đơn xin cấp giấy phép cư trú đã điền đầy đủ và đã ký, trong mọi trường hợp phải ghi rõ địa chỉ tại Tây Ban Nha (**mẫu đơn EX24**), **cùng với** các tài liệu chứng minh sự tồn tại của tình huống cho phép yêu cầu giấy phép cư trú:

7.1. Vợ/chồng:

7.1.1. **Giấy chứng nhận kết hôn** do cơ quan hộ tịch của Tây Ban Nha cấp.

7.1.2. Ngoài ra, trong trường hợp công dân Tây Ban Nha kết hôn lần thứ hai hoặc các lần tiếp theo, phải chứng minh rằng việc giải thể các cuộc hôn nhân trước đã diễn ra sau một thủ tục xác định tình hình của người phối ngẫu trước và các thành viên gia đình của họ liên quan đến nơi ở chung, trợ cấp (nếu có) cho người vợ/chồng trước và cho con cái vị thành niên hoặc trưởng thành nào phụ thuộc.

7.2. Người có đăng ký sống chung như vợ/chồng:

7.2.1. **Giấy chứng nhận đăng ký tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế của một quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu hoặc tại một quốc gia tham gia Hiệp định về Khu vực kinh tế châu Âu hoặc tại Thụy Sĩ, với điều kiện chưa hủy việc đăng ký sống chung này (cần phải có giấy tờ chứng minh tương ứng)**

7.2.2. Ngoài ra, trong trường hợp người xin thị thực đã kết hôn hoặc đã từng chung sống như vợ/chồng với người khác trước đó thì phải

**nộp thêm án ly hôn hoặc giấy chứng nhận hủy đăng ký sống chung
tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế tương ứng**

7.3. Người sống chung như vợ/chồng nhưng không đăng ký: có thể hiểu có một mối quan hệ bền vững nếu đưa ra được các bằng chứng không thể bác bỏ được về việc chung sống như vợ/chồng trong vòng ít nhất là một năm liên tiếp, trừ trường hợp có con chung. Trong trường hợp này chỉ cần chứng minh có chung sống ổn định và nộp thêm giấy khai sinh của con cái trong đó có ghi rõ tên của bố mẹ, và giấy tờ chứng minh nhân thân của người con này.

Cũng có thể coi là có quan hệ chung sống như vợ/chồng nếu hai người không có con chung và khoảng thời gian chung sống này ít hơn một năm nhưng có các bằng chứng xác đáng về các hoàn cảnh đặc biệt làm gián đoạn việc sống chung này (thuyên chuyển nơi cư trú vì lý do công việc, chiến tranh, bệnh tật, v.v.) hoặc có nhiều giai đoạn sống chung dưới một năm nhưng cộng gộp lại thì tổng thời gian là trên một năm, hoặc khi tổng hợp các hoàn cảnh cá nhân của hai người lại có thể đưa tới kết luận không thể nghi ngờ về việc hai người thực sự có mối quan hệ chung sống ổn định như vợ/chồng.

7.4. Con đẻ - con nuôi:

7.4.1. Giấy khai sinh của người xin thị thực.

7.4.2. Đối với trẻ vị thành niên: Văn bản đồng ý của người bố/mẹ không đi cùng người xin thị thực, cho phép người này được định cư tại Tây Ban Nha với người bố/mẹ còn lại.

7.4.3. Ngoài ra, nếu người xin thị thực trên 26 tuổi: **giấy tờ chứng minh việc phụ thuộc kinh tế hoặc phụ thuộc vì lý do bệnh nặng hay khuyết tật** vào công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị.

7.4.4. Ngoài ra, nếu đương đơn trên 26 tuổi thì phải nộp thêm:

7.4.4.1. Bằng chứng phụ thuộc kinh tế hoặc bị khuyết tật và cần được trợ giúp để thực hiện khả năng pháp lý của mình.

7.4.4.2. Bằng chứng về việc chưa kết hôn hoặc chưa thành lập đơn vị gia đình riêng. Nếu họ đã kết hôn hoặc đã thành lập đơn vị gia đình riêng, phải chứng minh rằng tất cả các thành viên trong đơn vị gia đình của họ đều phụ thuộc vào người có quốc tịch Tây Ban Nha.

7.4.5. Khi người nộp đơn là con cháu của vợ/chồng hoặc bạn đời của người có quốc tịch Tây Ban Nha, cần phải xuất trình các giấy tờ sau:

7.4.5.1. Giấy chứng nhận kết hôn hoặc bằng chứng về việc chung sống như vợ chồng – có hoặc không có đăng ký (xem phần 7.1, 7.2 và 7.3)

7.4.5.2. Bằng chứng về việc không ly hôn, kết hôn hoặc ly thân, cũng như không hủy bỏ đăng ký quan hệ chung sống.

7.4.5.3. Thư của công dân Tây Ban Nha viết đề nghị cấp thị thực cư trú cho con cái của họ hoặc của vợ/chồng họ

7.5. Bố mẹ:

7.5.1. **Giấy khai sinh** của người con mang quốc tịch Tây Ban Nha, hoặc của vợ/chồng hay người chung sống như vợ/chồng của người này.

7.5.2. Nếu là bố, mẹ của vợ/chồng hoặc của người có quan hệ chung sống như vợ/chồng của công dân Tây Ban Nha: **phải chứng minh** mối quan hệ vợ/chồng hay quan hệ chung sống như vợ/chồng của những người

này (xem các mục 7.1, 7.2 và 7.3), **cũng như** chứng minh những người này hiện chưa ly hôn với nhau hay đang có chồng/vợ khác hay đang ly thân với nhau, hoặc đã hủy đăng ký sống chung như vợ/chồng.

7.5.3. Trong mọi trường hợp đều bắt buộc phải nộp thêm các giấy tờ chứng minh sự **phụ thuộc kinh tế hoặc các lý do nhân đạo**

- 7.6. Bố, mẹ hoặc người giám hộ của trẻ vị thành niên có quốc tịch Tây Ban Nha: giấy khai sinh của trẻ vị thành niên có quốc tịch Tây Ban Nha.
- 7.7. Thành viên gia đình sẽ chăm sóc công dân Tây Ban Nha phụ thuộc: tài liệu chứng minh rằng người nộp đơn là họ hàng cấp độ hai theo huyết thống hoặc hôn nhân và Quyết định công nhận tình trạng phụ thuộc của công dân Tây Ban Nha, do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- 7.8. Con trai và con gái có cha hoặc mẹ là người gốc Tây Ban Nha: giấy khai sinh của người nộp đơn và cha hoặc mẹ là người Tây Ban Nha.
- 7.9. Các thành viên gia đình khác được công dân Tây Ban Nha chăm sóc: tài liệu chứng minh mối quan hệ gia đình với công dân Tây Ban Nha và tình trạng phụ thuộc của họ.
8. **Các trường hợp trên 18 tuổi cần nộp phiếu lý lịch tư pháp** được cấp bởi (các) quốc gia nơi người xin thị thực đã từng cư trú **trong vòng 5 năm trở lại đây**, trong đó có ghi đương sự không có án tích về các tội danh có quy định trong luật pháp Tây Ban Nha.. **Trường hợp cư trú tại nhiều nước khác nhau cần nộp phiếu lý lịch tư pháp được cấp bởi tất cả các quốc gia đó. Để có thể xác định được các nước cần phải xin Phiếu lý lịch tư pháp để nộp trong hồ sơ xin thị thực, đương đơn cần nộp tờ khai về các nước mình đã từng cư trú trong vòng 05 năm trở lại đây.**
9. **Giấy chứng nhận sức khỏe**, trong đó nêu nguyên văn “người xin thị thực không mắc bất cứ loại bệnh nào có thể có ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe cộng đồng, thể theo quy định tại Điều lệ Y tế Quốc tế năm 2005”. Các giấy chứng nhận sức khỏe không có kết luận nêu trên sẽ không được chấp nhận;

CÁC LƯU Ý QUAN TRỌNG:

HỢP PHÁP HÓA VÀ DỊCH THUẬT. Bất kỳ tài liệu công nào do các cơ quan không phải của Tây Ban Nha cấp đều phải được hợp pháp hóa trước đó. Các tài liệu được viết bằng ngôn ngữ không phải là tiếng Tây Ban Nha phải được nộp kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ này, do công chứng viên hoặc văn phòng dịch thuật được các cơ quan chính thức chấp nhận. Bản dịch này phải để ngay trước bản sao của bản gốc.

PHOTOCOPY. Các giấy tờ gốc muốn được lấy lại sau khi kết thúc xét duyệt hồ sơ cần nộp kèm bản gốc. Chỉ sao giấy tờ sau khi bản dịch đã được chứng nhận và / hoặc các tài liệu đã được hợp pháp hóa.

CHỦ THẺ HỢP PHÁP: Người xin thị thực phải trực tiếp tới nộp hồ sơ xin thị thực. Đơn xin thị thực của trẻ vị thành niên sẽ do đại diện hợp pháp của trẻ nộp.

THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ: nếu người mang quốc tịch Tây Ban Nha ở Tây Ban Nha và đã xin được phép cư trú cho thân nhân của mình thì thời hạn nộp đơn xin thị thực là một tháng sau ngày nhận được thông báo cấp phép cư trú.

NƠI NỘP HỒ SƠ XIN THỊ THỰC: xem thông tin [tại đây](#).

ĐẶT HẸN ĐỂ NỘP HỒ SƠ XIN THỊ THỰC: Để đặt lịch hẹn, đương đơn cần truy cập vào trang web của Trung tâm tiếp nhận thị thực BLS theo đường dẫn sau: https://vietnam.blsspainvisa.com/vietnamise/book_appointment.php

BIÊN LAI NỘP HỒ SƠ: Đại sứ quán Tây Ban Nha sẽ chuyển cho đương đơn biên nhận hồ sơ có mã cho phép xác minh tình trạng xử lý của hồ sơ thông qua đường dẫn sau: <https://sutramiteconsular.maec.es/Home.aspx>

PHỎNG VẤN VÀ / HOẶC YÊU CẦU BỔ SUNG TÀI LIỆU. Bất cứ lúc nào trong quá trình xử lý hồ sơ, Đại sứ quán cũng có thể yêu cầu nộp bổ sung giấy tờ cho hồ sơ xin thị thực và/hoặc mời đương đơn tới trụ sở Đại sứ quán để phỏng vấn nếu thấy cần thiết.

THỜI HẠN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ: Thời hạn pháp lý để đưa ra quyết định là 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ xin thị thực nếu trong hồ sơ có nộp kèm Giấy phép cư trú, hoặc kể từ sau ngày có kết quả về đơn xin cấp Giấy phép cư trú trong trường hợp đơn xin thị thực cũng bao gồm đơn xin cấp phép cư trú.

TRẢ LẠI HỘ CHIẾU VÀ GIẤY TỜ: Đương đơn phải trực tiếp tới nhận kết quả thị thực (trừ trường hợp trẻ vị thành niên).

TỪ CHỐI CẤP THỊ THỰC: Việc từ chối cấp thị thực sẽ được thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do đưa ra quyết định.

KHIẾU NẠI/KHÁNG CÁO: Trong trường hợp bị từ chối cấp thị thực, đương đơn có thể nộp đơn khiếu nại trước Đại sứ quán Tây Ban Nha trong vòng một tháng kể từ sau ngày nhận được thông báo từ chối. Đương đơn cũng có thể nộp đơn kháng cáo trước Tòa án thượng thẩm của Madrid trong vòng hai tháng kể từ sau ngày nhận được thông báo về việc từ chối cấp thị thực hoặc về việc bác bỏ đơn khiếu nại.

GIÁ TRỊ CỦA THỊ THỰC: thị thực sẽ có hiệu lực trong vòng 365 ngày và người mang thị thực cần phải xin Thẻ căn cước người nước ngoài trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhập cảnh vào Tây Ban Nha, tại Văn phòng Người nước ngoài (Oficina de Extranjería) hoặc Sở Cảnh sát tương ứng với tỉnh cấp giấy phép cư trú cho họ.

TRA CỨU THÔNG TIN CHUNG VỀ THỊ THỰC QUỐC GIẢ [TẠI ĐÂY](#) (tải tờ khai xin thị thực, lệ phí, quy trình ...).